

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-10-2018

V/v “tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Túy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân

2. Bà Trần Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ A, thôn S, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ A, thôn S, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn, bản tự khai, các biên bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị G đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 9 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng và tôn trọng nhau mà thường xuyên xúc phạm, cãi vã nhiều lần còn xô xát dẫn đến đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được nên ông L và bà G đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay ông Nguyễn Ngọc L cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị G.

Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị G có 05 người con chung là chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1980; anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986; chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1988; chị Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1998. Hiện nay chị L, anh T, chị

M, chị V và chị T đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc L tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, các biên bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà Nguyễn Thị G đồng ý với trình bày của ông Nguyễn Ngọc L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Ngọc L đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 9 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông L không chung thủy với bà G mà có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, nhiều lần cãi vã dẫn đến xô xát và đánh nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng nên trước đây bà G làm đơn yêu cầu được ly hôn nhưng ông L không đồng ý ly hôn. Đến nay bà G thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được và không thể sống chung với nhau được nữa nên bà G và ông L đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay bà G thừa nhận giữa bà G và ông L không còn tình cảm, không thể sống chung với nhau được nữa nhưng bà G không đồng ý ly hôn vì lý do bà G sợ mang tiếng với họ hàng và ảnh hưởng con cái. Ngoài ra nếu ly hôn thì sợ ông L chia tài sản chung của vợ chồng khi về già và bệnh tật không ai chăm sóc cho ông L.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Ngọc L có 05 người con chung là chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1980; anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986; chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1988; chị Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1998. Hiện nay chị L, anh T, chị M, chị V và chị T đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị G tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp; thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị G ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc L; về con chung: Ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị G 05 người con chung là chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1980; anh Nguyễn Ngọc

T, sinh năm 1986; chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1988; chị Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1998. Hiện nay chị L, anh T, chị M, chị V và chị T đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung ông L, bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị G đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 9 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Nay ông L yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nơi cư trú của bà Nguyễn Thị G là xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị G đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 9 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Quá trình sống chung đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng và tôn trọng nhau nên thường xuyên cãi vã và xúc phạm nhau, nhiều lần còn xô xát dẫn đến đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được nên ông L và bà G đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

[3] Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của ông L, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để ông L và bà G hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng đến nay không có kết quả.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị G phát sinh nhiều mâu thuẫn là có thật. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa bà G cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu và đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn và bà G, ông L không thể sống chung với nhau được nữa nên hai người đã sống ly thân từ 2015 đến nay. Theo kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của người làm chứng thì giữa ông L, bà G xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là có thật. Việc bà G cho rằng ông L không chung thủy với vợ con nhưng qua xác minh và lời khai của người làm chứng thì không có cơ sở để khẳng định ông L không chung thủy với bà G. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị G ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông Nguyễn Ngọc L được ly hôn với bà Nguyễn Thị G.

[5] *Về quan hệ con chung:* Ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị G có 05 người con chung là chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1980; anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986; chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1988; chị Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1998. Hiện nay chị L, anh T, chị M, chị V và chị T đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Ông Nguyễn Ngọc L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho ông Nguyễn Ngọc L được ly hôn với bà Nguyễn Thị G.

2. *Về quan hệ con chung*: Ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị G có 05 người con chung là chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1980; anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986; chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1988; chị Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1998. Hiện nay chị L, anh T, chị M, chị V và chị T đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông L và bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Ông Nguyễn Ngọc L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002822 ngày 06-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Ông Nguyễn Ngọc L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26-10-2018), ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự huyện Châu Đức;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Túy